

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Đề án “Phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”**

Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 11/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV, Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 của HĐND tỉnh về Phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Trên cơ sở Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án Phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

#### **I. Mục tiêu và các chỉ tiêu**

##### **1. Mục tiêu**

Xây dựng vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trở thành vùng kinh tế động lực, tăng trưởng xanh, trở thành Khu kinh tế ven biển của cả nước, có sức lan tỏa lớn để phát triển các vùng kinh tế khác trong tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Tỉnh theo hướng nhanh, bền vững, tập trung ưu tiên phát triển năng lượng, năng lượng tái tạo; cảng và dịch vụ cảng; Nông nghiệp công nghệ cao; phát triển các ngành công nghiệp thân thiện, không gây ô nhiễm môi trường.

Phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ sản xuất và dịch vụ xã hội hiện đại, đồng bộ để nâng cao mức sống người dân; bảo vệ bền vững môi trường; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, đóng góp quan trọng để hoàn thành mục tiêu đến năm 2025 là tỉnh phát triển khá của khu vực và cả nước và đến năm 2030 trở thành Tỉnh có mức thu nhập bình quân thuộc nhóm trung bình cao của cả nước.

##### **2. Các chỉ tiêu phát triển**

###### **a) Giai đoạn 2021- 2025**

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 tăng 18-19%/năm.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 40 – 45 nghìn tỷ đồng.

- Đến năm 2025: GRDP bình quân/người đến năm 2025 đạt khoảng 130 triệu đồng; Tỷ trọng vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2025 chiếm khoảng 28-29% GRDP của tỉnh; Cơ cấu các ngành kinh tế: Nông nghiệp và thủy sản chiếm 24-

25%; công nghiệp – xây dựng chiếm 57-58%; các ngành du lịch, dịch vụ chiếm 18-19% vào năm 2025; Tạo việc làm cho khoảng 77 nghìn người vào năm 2025.

#### b) Định hướng đến năm 2030

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026-2030 tăng 21-22%/năm.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026-2030 đạt khoảng 30 – 35 nghìn tỷ đồng.

- Đến năm 2030: GRDP bình quân/người đến năm 2030 đạt khoảng 300 triệu đồng; Tỷ trọng vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2030 chiếm 50%-51% GRDP của tỉnh; Cơ cấu các ngành kinh tế: Nông nghiệp và thủy sản chiếm 11-12%; công nghiệp – xây dựng chiếm 64-65%; các ngành du lịch, dịch vụ chiếm 24-25% vào năm 2030; Tạo việc làm cho khoảng 97 nghìn người vào năm 2030.

## II. Một số nhiệm vụ trọng tâm

### 1. Phát triển các ngành kinh tế

a) *Công nghiệp- xây dựng*: Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án Điện gió, điện mặt trời đang triển khai, Cảng tổng hợp Cà Ná (hướng đến trở thành Cảng có chức năng trung chuyển quốc tế trong tương lai); Thu hút, kêu gọi đầu tư các dự án năng lượng tái tạo điện gió, điện mặt trời, điện gió ngoài khơi theo Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VIII, nhất là hình thành tổ hợp Trung tâm điện khí LNG, các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến muối, sản phẩm sau muối, sản xuất Xút-Clo và PVC, chế biến thủy sản. Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Phước Nam để phát triển các ngành lắp ráp điện tử, tin học, các ngành nghề công nghệ cao, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí; sản xuất hàng tiêu dùng, phân đầu đến năm 2030 đạt tỷ lệ lấp đầy 100%; Phát triển Khu công nghiệp Cà Ná, Cụm công nghiệp Hiếu Thiện với các nhóm ngành công nghiệp sản xuất thiết bị phục vụ các ngành năng lượng tái tạo và năng lượng, công nghệ cơ khí, chế tạo, phát triển công nghiệp và các ngành chế biến muối và sản phẩm sau muối, hóa dược thân thiện, không gây ô nhiễm môi trường... phân đầu đến năm 2030 đạt tỷ lệ lấp đầy 70%; Cảng cạn, khu Logistic phục vụ cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp của tỉnh và các tỉnh phía Nam. Quan tâm phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống.

b) *Phát triển các ngành thương mại- dịch vụ- du lịch*: Tập trung phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng, thế mạnh của vùng, tạo giá trị gia tăng cao, trọng tâm là logistic, dịch vụ cảng biển và dịch vụ hậu cần nghề cá và các dịch vụ phụ trợ khác. Hình thành và phát triển các Trung tâm thương mại, các Trung tâm dịch vụ hỗn hợp; Phát triển siêu thị; Phát triển Tổng kho xăng dầu khu vực Cảng tổng hợp Cà Ná quy mô 100.000 m<sup>3</sup>; Kho phân phối LNG cho các tỉnh Nam Trung bộ và các tỉnh phía Nam.

Phát triển đồng bộ, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, gắn với hình thành đô thị ven biển; hình thành các khu du lịch đẳng cấp cao, loại hình độc đáo với chất lượng dịch vụ tốt, có tính cạnh tranh cao; phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng với các loại hình du lịch hiện đại, chuyên nghiệp. Đẩy mạnh liên

kết, kết nối với các tuyến du lịch quốc gia, khu vực Đông Nam Bộ và Miền Trung – Tây Nguyên.

*c) Phát triển các ngành nông- lâm nghiệp và thủy sản:* Tập trung phát triển ngành nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với thị trường tiêu thụ, thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; gắn phát triển nông nghiệp với phát triển du lịch. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành thủy sản theo hướng phát triển nuôi trồng thủy sản hàng hóa, từng bước phát triển các vùng nuôi trồng tập trung, ứng dụng công nghệ cao theo quy hoạch, bảo đảm vệ sinh môi trường, an toàn dịch bệnh.

## **2. Phát triển đô thị**

Hình thành các Khu đô thị mới Đầm Cà Ná, Khu đô thị phía Đông – Tây QL1A, Khu đô thị mới Phước Diêm, các đô thị trung tâm Phước Nam, Sơn Hải và Cà Ná theo hướng hiện đại, với tam giác phát triển là Phước Nam - Cà Ná - Sơn Hải, trong đó tập trung ưu tiên phát triển Khu đô thị Cà Ná, tạo động lực phát triển trong định hướng phát triển khu đô thị khu vực trọng điểm phía Nam. Triển khai xây dựng đô thị thông minh, trong đó ưu tiên các lĩnh vực quản lý đô thị, trật tự an toàn xã hội, du lịch, giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe. Phát triển nhà ở xã hội để giải quyết nhu cầu nhà ở cho các đối tượng chính sách, lực lượng lao động và người dân trong Vùng; nâng tỷ lệ diện tích sàn nhà ở bằng với bình quân cả tỉnh.

## **3. Phát triển kết cấu hạ tầng**

- Tập trung đầu tư hoàn thành các tuyến đường liên thông, kết nối với các tuyến Quốc lộ 1A, đường cao tốc Bắc Nam, đường ven biển; phối hợp đẩy nhanh tiến độ đường cao tốc Bắc – Nam, ưu tiên đầu tư hoàn thành tuyến đường nối từ đường cao tốc Bắc Nam với Quốc lộ 1A và cảng biển Cà Ná, sớm hoàn thành đưa vào khai thác cảng biển nước sâu Cà Ná có trọng tải đến 300.000 DWT; nâng cấp các tuyến đường Văn Lâm - Sơn Hải, QL1A – Phước Hà – Ma Nối, Đường nối từ Trung tâm hành chính huyện Thuận Nam đến Khu công nghiệp Cà Ná...Thực hiện Quy hoạch đầu tư xây dựng Nhà Ga mới và tuyến đường sắt nối Cảng tổng hợp Cà Ná với đường sắt Thống Nhất tại Ga Cà Ná mới theo Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 . Kêu gọi, thu hút đầu tư các công trình phụ trợ khác, như Cảng cạn và Trung tâm logistics, trạm dừng nghỉ, bến xe, bãi đỗ xe.

- Tập trung đầu tư các công trình thủy lợi đảm bảo đồng bộ từ các công trình đầu mối đến hệ thống kênh chuyên nước; thực hiện đấu nối liên thông các hồ chứa để nâng cao hiệu quả khai thác các công trình thủy lợi như: Đầu tư hoàn thành Kênh chuyên nước Tân Giang - Sông Biêu; liên thông hồ Sông Than, cung cấp nước cho các dự án trọng điểm phía nam; quan tâm đầu tư, nâng cấp hệ thống tiêu lũ Trung tâm hành chính huyện Thuận Nam và Khu công nghiệp Phước Nam.

- Tập trung đầu tư, nâng cấp mạng lưới trường, lớp học theo hướng đạt chuẩn quốc gia; Đẩy mạnh phát triển loại hình trường tư thục chất lượng cao ở các cấp học. Ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển mạng lưới y tế, bổ sung trang thiết bị y tế

hiện đại đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh của người dân. Quan tâm đầu tư, nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao, các khu vui chơi, giải trí gắn với phát triển đô thị, khu dân cư, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, hưởng thụ và luyện tập của người dân.

- Khuyến khích và huy động cao nhất nguồn lực đầu tư từ các doanh nghiệp, xã hội hóa để đầu tư kết cấu hạ tầng.

#### **4. Phát triển nguồn nhân lực**

Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực công nhân có tay nghề cao đáp ứng yêu cầu phục vụ cho các dự án trọng điểm và Khu công nghiệp. Thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo để triển khai chương trình đào tạo nghề phù hợp hơn với các ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển trong vùng kinh tế; Có chính sách thu hút đội ngũ chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, lao động ở các vùng khác trong tỉnh và ngoài tỉnh về làm việc tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Hỗ trợ người lao động mua, thuê nhà ở trong và gần các khu công nghiệp, thuận lợi tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục đối với các lao động đã có gia đình.

#### **5. Phát triển không gian các tiểu vùng**

Hình thành và phát triển các tiểu vùng phù hợp tiềm năng, lợi thế từng vùng, gồm:

(1) Tiểu vùng công nghiệp – năng lượng – cảng biển nằm trên địa bàn các xã Phước Nam, Phước Minh, Cà Ná và xã Phước Diêm, tập trung phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và phụ trợ; Năng lượng (điện mặt trời, điện gió ngoài khơi, điện khí LNG); Cảng biển tổng hợp gắn với trung tâm logistic; Cảng biển nước sâu gắn với kinh tế hàng hải; Trung tâm nghề cá của vùng tại Cà Ná;

(2) Tiểu vùng Du lịch - Dịch vụ phụ trợ nằm trên địa bàn xã Phước Dinh, Phước Diêm, Cà Ná tập trung phát triển các ngành du lịch biển, dịch vụ cảng biển và dịch vụ hậu cần nghề cá, vận tải biển;

(3) Tiểu vùng Nông nghiệp Công nghệ cao tập trung phát triển sản xuất tôm giống ứng dụng công nghệ cao An Hải và vùng sản xuất tôm giống bố mẹ ứng dụng công nghệ cao Sơn Hải;

(4) Tiểu vùng bảo tồn nằm trên địa bàn các xã Phước Dinh, Phước Diêm, Nhị Hà, Phước Minh và 1 phần xã Cà Ná, tập trung phát triển rừng, nâng cao giá trị phòng hộ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học.

#### **6. Nguồn lực thực hiện Đề án**

Tổng nhu cầu vốn đầu tư vùng trọng điểm phía Nam tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 là 70-80 ngàn tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2021-2025 là 40-45 ngàn tỷ đồng, giai đoạn 2026-2030 là 30-35 ngàn tỷ đồng; Cụ thể như sau:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước: Khoảng 5.126 tỷ đồng, chiếm 6,4% tổng vốn.

- Nguồn vốn huy động các thành phần kinh tế và xã hội hóa: 74.574 tỷ đồng, chiếm 93,6% tổng vốn.

### **III. Các giải pháp chủ yếu**

#### **1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tạo đồng thuận trong xã hội**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến sâu rộng bằng nhiều hình thức phù hợp để nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân dân trong tỉnh về ý nghĩa và tầm quan trọng của phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh, là sự nghiệp chung, vừa là lợi ích, vừa là nghĩa vụ của toàn xã hội, để mọi người dân ủng hộ tham gia đóng góp và chia sẻ trách nhiệm với Nhà nước trong đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, bảo đảm tính nhất quán và đồng thuận cao trong thực hiện các chủ trương, quyết sách lớn về phát triển các ngành kinh tế tại khu vực phía Nam của tỉnh.

- Nâng cao tính năng động, tiên phong, quyết tâm của lãnh đạo các cấp, các ngành và nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

#### **2. Xây dựng, hoàn thiện, quản lý và thực hiện có hiệu quả các quy hoạch, phát huy cao nhất các tiềm năng, lợi thế của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam**

- Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, phục vụ phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Khẩn trương hoàn thành Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm tích hợp đầy đủ các ngành, lĩnh vực, phân vùng phát triển không gian các tiểu vùng, đồng thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung các loại quy hoạch đảm bảo đồng bộ, thống nhất vào Quy hoạch của cả nước.

- Tổ chức rà soát, lập Đồ án Quy hoạch phát triển bổ sung đưa vào Quy hoạch Khu kinh tế ven biển của cả nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

#### **3. Giải pháp về cơ chế chính sách**

- Rà soát, bổ sung và cụ thể hóa kịp thời các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, trọng tâm là các cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh, vùng, chính sách tạo đột phá trong cải thiện môi trường đầu tư, chính sách khuyến khích và hỗ trợ phát triển khu vực kinh tế tư nhân, chính sách thu hút đầu tư phát triển hạ tầng các Khu, cụm công nghiệp, các lĩnh vực tỉnh có lợi thế về năng lượng, kinh tế biển, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao; các cơ chế liên kết phát triển vùng, nhất là lĩnh vực du lịch; các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Hoàn tất các thủ tục đảm bảo hình thành khu kinh tế ven biển quốc gia để thụ hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, các chính sách ưu đãi thu nhập chịu thuế, thời gian hoạt động của các dự án, hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại chỗ, tạo môi trường đầu tư và sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư tập trung, có trọng điểm, phù hợp với mục tiêu và cơ cấu ngành nghề theo từng giai đoạn phát triển của vùng kinh tế. Xây dựng cơ chế vận động tài trợ từ các doanh nghiệp và các tổ chức trong và ngoài nước, liên

kết với các cộng đồng doanh nghiệp lớn để tìm hiểu nhu cầu đầu tư của các đối tác, các nhà đầu tư chiến lược.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành. Thường xuyên rà soát, đơn giản, công khai các thủ tục hành chính để các tổ chức, cá nhân dễ dàng tiếp cận và thực hiện; xây dựng phát triển chính quyền điện tử, chuyên đổi số, xã hội số, kinh tế số.

#### **4. Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư, nguồn lực đầu tư:**

- Nắm bắt và vận dụng hiệu quả các cơ chế, chính sách, các chương trình hỗ trợ đầu tư của Trung ương để chủ động xây dựng các chương trình, dự án nhằm tranh thủ cao nhất nguồn hỗ trợ đầu tư từ ngân sách Trung ương; trong đó chú trọng tranh thủ các nguồn vốn từ cơ chế chính sách hỗ trợ đặc thù đối với Tỉnh theo Nghị quyết 115/NQ-CP, các nguồn kết dư, dự phòng ngân sách Trung ương, vốn hỗ trợ cấp bách, vốn ứng trước. Đi đôi với đẩy mạnh công tác thu, nuôi dưỡng và tạo nguồn thu mới để tăng thu ngân sách địa phương hằng năm và khai thác có hiệu quả các nguồn thu sử dụng đất, nhất là các nguồn thu từ quỹ đất các tuyến đường giao thông đã đầu tư hoàn thành để tạo nguồn vốn đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng.

- Khuyến khích và huy động cao nhất nguồn lực đầu tư từ các doanh nghiệp tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo cơ chế xã hội hóa và đối tác công tư, tập trung rà soát chuyên các dự án hạ tầng có lợi thế, có khả năng tạo nguồn thu sang đầu tư theo hình thức này, với phương châm kết cấu hạ tầng nào mà nguồn vốn tư nhân làm được thì nhà nước không làm.

#### **5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực; xây dựng đời sống văn hóa, nông thôn bền vững và phát triển**

- Đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến trên tất cả các lĩnh vực nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và thân thiện với môi trường. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực công nhân có tay nghề cao đáp ứng yêu cầu phục vụ cho các dự án và Khu công nghiệp. Có chính sách thu hút đội ngũ chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, lao động ở các vùng khác trong tỉnh và ngoài tỉnh về làm việc tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Tập trung phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Quan tâm bảo tồn, tôn tạo các di sản thiên nhiên, văn hóa, tôn giáo trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

#### **6. Nâng cao hiệu quả liên kết phát triển vùng; mở rộng hợp tác và quan hệ đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng:**

- Tiếp tục đẩy mạnh các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết, đồng thời mở rộng hợp tác với các địa phương khác, nhất là các địa phương ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của cả nước để phát huy các tiềm năng, lợi thế riêng có của Vùng, đặc biệt trong liên kết phát triển khu công nghiệp, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, phát triển đô thị mới, khám chữa bệnh và giải quyết các vấn đề xã hội như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, nước biển dâng.

- Mở rộng hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ, tăng cường xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, du lịch và các hoạt động văn hóa đối ngoại; tận dụng tối đa, có hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do, mở rộng thị trường xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế, có tính cạnh tranh cao của Vùng.

### **7. Khai thác hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường:**

- Quản lý, sử dụng hiệu quả các tài nguyên biển, đất, nước, khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Khuyến khích và nhân rộng các mô hình sản xuất xanh, sạch, áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm xử lý hết lượng chất thải phát sinh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, lắp đặt các lò đốt rác công nghệ mới có hệ thống xử lý khí thải, nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

- Làm tốt công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đất, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất cho phát triển.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; thường xuyên kiểm tra và công khai các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm trên các phương tiện thông tin đại chúng.

### **8. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng an ninh; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội**

- Tổ chức thực hiện tốt việc kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh ngay từ khâu quy hoạch, kế hoạch; chú trọng phát triển các công trình mang tính lưỡng dụng; gắn quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội với quy hoạch xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc.

- Chủ động nắm chắc và xử lý tốt các vụ việc về an ninh, trật tự ngay từ khi mới phát sinh, không để xảy ra tình huống phức tạp, không để bị động, bất ngờ; đấu tranh phòng chống tội phạm, nhất là tội phạm công nghệ cao, tín dụng đen...

## **IV. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Giao thông vận tải và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, tham mưu bổ sung các nhiệm vụ Đề án, dự án vào Quy hoạch ngành Quốc gia và tích hợp vào Quy hoạch tỉnh đảm bảo điều kiện thực hiện theo quy định.

- Khẩn trương hoàn tất thủ tục đầu tư các dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo đúng quy định. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án Đường Văn Lâm - Sơn Hải, Đường nối từ cao tốc Bắc Nam với Quốc lộ 1 và cảng biển tổng hợp Cà Ná; Quốc lộ 1A- Phước Hà- Ma Nối; tham mưu kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, đầu tư dự án Đường liên vùng QL1A - Phước Hà - Ma Nối kết nối Đức Trọng - Lâm Đồng lên Nam Tây Nguyên.

- Phối hợp với nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ đầu tư hoàn thành cảng biển tổng hợp Cà Ná giai đoạn 1 và kêu gọi đầu tư giai đoạn 2 có khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải đến 300.000 DWT hướng đến hình thành Cảng trung chuyển quốc tế.

- Kêu gọi, thu hút đầu tư các công trình phụ trợ gắn với Cảng tổng hợp Cà Ná, trạm dừng nghỉ, bến xe, bãi đỗ xe để phát huy hiệu quả các công trình giao thông.

- Tham mưu kiến nghị các Bộ ngành đầu tư xây dựng tuyến đường sắt nối cảng tổng hợp Cà Ná với đường sắt Thống nhất tại Ga Cà Ná.

- Tham mưu ban hành các cơ chế chính sách thu hút đầu tư phát triển thực hiện thắng lợi định hướng phát triển ngành giao thông.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, tham mưu bổ sung các nhiệm vụ Đề án, dự án vào Quy hoạch ngành Quốc gia và tích hợp vào Quy hoạch tỉnh đảm bảo điều kiện thực hiện theo quy định.

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển ngành nông theo hướng ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với thị trường tiêu thụ, thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển du lịch.

- Tham mưu ban hành các cơ chế chính sách thu hút đầu tư dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận).

- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn khẩn trương hoàn tất thủ tục đầu tư các dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo đúng quy định, trong đó tập trung các dự án Xây dựng Kênh chuyển nước Tân Giang - Sông Biêu, liên thông hồ Sông Than, cung cấp nước cho các dự án trọng điểm phía Nam.

### 3. Sở Công Thương

- Phối hợp các Sở, ngành liên quan tham mưu triển khai các dự án công nghiệp động lực, thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại, phát triển năng lượng tái tạo.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương tổ chức triển khai rà soát, cập nhật và đề nghị tích hợp các nguồn năng lượng vào quy hoạch kể cả đề xuất đầu tư lưới điện truyền tải phù hợp;

- Tập trung triển khai có hiệu quả Đề án xây dựng Ninh Thuận thành Trung tâm năng lượng, năng lượng tái tạo của cả nước đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án Trung tâm điện lực LNG Cà Ná giai đoạn 1, công suất 1.500 MW; các dự án điện gió, điện mặt trời, các công trình hạ tầng truyền tải điện 500kV, 220 kV đấu nối.



- Kêu gọi, thu hút đầu tư công trình Trung tâm logistic gắn với Cảng tổng hợp Cà Ná để phát huy được tiềm năng lợi thế của Cảng biển.

- Thực hiện tốt chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; tham mưu phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến muối, sản phẩm sau muối, sản xuất Xút-Clo và PVC, chế biến thủy sản.

- Tham mưu bổ sung, điều chỉnh quy hoạch cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Thuận Nam; phát triển Cụm công nghiệp Hiếu Thiện với các nhóm ngành công nghiệp sản xuất thiết bị phục vụ các ngành năng lượng tái tạo và năng lượng, công nghệ cơ khí, chế tạo, phát triển công nghiệp và các ngành chế biến muối và sản phẩm sau muối, hóa dược thân thiện, không gây ô nhiễm môi trường; phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, tham mưu bổ sung các nhiệm vụ Đề án, dự án vào Quy hoạch ngành Quốc gia và tích hợp vào Quy hoạch tỉnh đảm bảo điều kiện thực hiện theo quy định.

#### 4. Sở Xây dựng

- Tham mưu ban hành các cơ chế chính sách thu hút, kêu gọi hình thành các Khu đô thị mới, hiện đại, thông minh, trong đó tập trung phát triển Khu đô thị Cà Ná, Khu đô thị mới Đầm Cà Ná, Khu đô thị phía Đông – Tây QL1A, Khu đô thị mới Phước Diêm, các đô thị trung tâm Phước Nam, Sơn Hải và Cà Ná thành các Khu đô thị mới, hiện đại, thông minh; tham mưu phát triển nhà ở xã hội để giải quyết nhà ở cho người lao động phục vụ các dự án tại khu vực trọng điểm phía Nam tỉnh.

- Phối hợp Sở, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan sớm hoàn thành trình phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Đầm Cà Ná và các đồ án quy hoạch đô thị khác trên địa bàn vùng.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, tham mưu bổ sung các nhiệm vụ Đề án, dự án vào Quy hoạch ngành Quốc gia và tích hợp vào Quy hoạch tỉnh đảm bảo điều kiện thực hiện theo quy định.

#### 5. Sở Tài nguyên Môi trường

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai và môi trường vùng ven biển. Kịp thời cập nhật các dự án thuộc Đề án vào Quy hoạch và Kế hoạch sử dụng đất.

- Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu ban hành cơ chế, chính sách giá đất làm cơ sở đấu giá, bồi thường giải phóng mặt bằng; tạo nguồn thu từ đấu giá đất công và tài sản trên đất công để tạo nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

#### 6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Hoàn thành, triển khai có hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; rà soát, điều chỉnh bổ sung các loại quy hoạch đảm bảo đồng bộ, thống nhất.

- Tham mưu các cơ chế chính sách cải thiện môi trường đầu tư, thu hút đầu tư khu vực kinh tế tư nhân, chính sách khuyến khích và hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân, chính sách thu hút đầu tư phát triển hạ tầng, cơ chế liên kết phát triển vùng.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, địa phương rà soát, tham mưu bổ sung danh mục dự án đầu tư kết cấu hạ tầng của Đề án vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện theo quy định Luật Đầu tư công.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp, tham mưu UBND Tỉnh kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ ngành trung ương xem xét, bổ sung các dự án hạ tầng cấp thiết vào danh mục đầu tư từ các nguồn vốn cơ chế chính sách hỗ trợ đặc thù đối với Tỉnh theo Nghị quyết 115/NQ-CP, các nguồn kết dư, dự phòng ngân sách Trung ương, vốn hỗ trợ cấp bách, vốn ứng trước.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại đầu tư công theo hướng giảm tỷ trọng vốn đầu tư công trong cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội, thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển nền kinh tế, ưu tiên đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu phát triển các nguồn kinh tế động lực của vùng.

- Phối hợp tham mưu cải thiện mạnh mẽ hơn nữa môi trường đầu tư-kinh doanh, tập trung phối hợp kêu gọi, xúc tiến, thu hút có chọn lọc các nguồn lực từ bên ngoài, tận dụng cơ hội dịch chuyển dòng vốn đầu tư quốc tế đầu tư vào các lĩnh vực trọng điểm để khai thác tiềm năng, thế mạnh của vùng, trong đó tập trung ưu tiên thu hút, phối hợp đẩy nhanh tiến độ các dự án động lực, lan tỏa thực hiện các lĩnh vực giao thông kết nối, cảng biển và các dự án chế biến sâu, thân thiện môi trường để khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế kinh tế biển, các khu đô thị thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

- Phối hợp với các Sở ngành, địa phương tích hợp các nhiệm vụ vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050, trong đó có phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trở thành Khu kinh tế ven biển của cả nước.

- Chủ trì, phối hợp với Ban quản lý các Khu công nghiệp và các đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng hồ sơ, thủ tục thành lập khu kinh tế ven biển phía nam Ninh Thuận trình các bộ, ngành Trung ương thẩm định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Theo dõi, tổng kết, đánh giá và báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện Đề án.

7. Sở Tài chính chủ trì, tham mưu các giải pháp về tăng thu ngân sách hàng năm để bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện các dự án thuộc Đề án.

8. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp UBND các huyện Thuận Nam, Ninh Phước tham mưu chính sách đào tạo, thu hút nguồn lao động có tay nghề, đội ngũ chuyên gia phục vụ cho các dự án trọng điểm và Khu công nghiệp phía nam.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND huyện Thuận Nam, Ninh Phước triển khai, xúc tiến du lịch; đồng thời phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư kêu gọi đầu tư các dự án phát triển du lịch trên địa bàn vùng, bảo đảm phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong việc quản lý, khai thác tài nguyên biển, đảm bảo gìn giữ tài nguyên môi trường, phát triển bền vững.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tham mưu triển khai Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch Ninh Thuận, trong đó có trên địa bàn vùng Đề án nhằm khuyến khích, tạo điều kiện các doanh nghiệp và người dân địa phương tham gia đầu tư phát triển các sản phẩm dịch vụ du lịch,... để thu hút du khách; Phối hợp các Sở, ngành liên quan đa dạng hóa các nguồn lực ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật các khu du lịch trọng điểm và các vùng có tiềm năng phát triển du lịch biển, nhất là khu vực Đầm Nai- Mũi Dinh - Cà Ná để sớm hình thành khu du lịch có đẳng cấp cao.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, tham mưu bổ sung các nhiệm vụ Đề án vào Quy hoạch ngành quốc gia đảm bảo điều kiện thực hiện theo quy định. Đồng thời phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu các Quyết định phê duyệt các đề án Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết thuộc Đề án quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch ven biển phía Nam tỉnh, Đề án Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Quốc gia Ninh Chữ, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2045.

10. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí, Đài Truyền thanh các huyện, thành phố đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền với nhiều hình thức nhằm tạo đồng thuận xã hội, phát huy tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu, nỗ lực của các ngành, các cấp để phấn đấu thực hiện thắng lợi, toàn diện các nội dung Đề án Phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

#### 11. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

- Phối hợp đẩy nhanh tiến độ đầu tư hoàn thành các Khu công nghiệp Phước Nam, Cà Ná; thu hút các nhà đầu tư để lấp đầy các khu công nghiệp đến năm 2030 đạt mục tiêu, định hướng của Đề án.

- Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu thành lập khu kinh tế ven biển phía nam Ninh Thuận để được thụ hưởng các chính sách ưu đãi trong thu hút, kêu gọi đầu tư thúc đẩy phát triển kinh tế biển của địa phương.

#### 12. UBND huyện Thuận Nam và huyện Ninh Phước

- Tuyên truyền, công khai đến người dân khu vực thực hiện Đề án, tạo đồng thuận người dân trong quá trình triển khai các dự án, nhất là công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, bảo đảm an ninh trật tự. Phối hợp với các ngành, các tổ chức liên quan trong việc triển khai các cơ chế, chính sách, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả trong tổ chức thực hiện các cơ chế chính sách trên địa bàn.

- Đầu tư hoàn thành các tuyến đường trên địa bàn huyện Thuận Nam: Đường nối Trung tâm hành chính huyện Thuận Nam với đường Văn Lâm-Son Hải,

Đường nối từ Trung tâm hành chính huyện Thuận Nam đến Khu công nghiệp Cà Ná, Đường Trung tâm hành chính huyện Thuận Nam đến đường ven biển.

- Phối hợp các Sở ngành tập trung đầu tư, nâng cấp mạng lưới trường, lớp học theo hướng đạt chuẩn quốc gia; Đẩy mạnh phát triển loại hình trường tư thục chất lượng cao ở các cấp học; Ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển mạng lưới y tế, bổ sung trang thiết bị y tế hiện đại đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh của người dân; đầu tư, nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao, các khu vui chơi, giải trí gắn với phát triển đô thị, khu dân cư, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, hưởng thụ và luyện tập của người dân.

- Phối hợp các Sở ngành khuyến khích và huy động cao nhất nguồn lực đầu tư từ các doanh nghiệp, xã hội hóa để đầu tư kết cấu hạ tầng.

- Phối hợp các Sở ngành cập nhật các dự án vào Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm, thu hút đầu tư phù hợp với định hướng phát triển các tiểu vùng, các ngành lĩnh vực xác định tại Đề án.

13. Huy động sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể: Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động, Hội Cựu Chiến binh, các tổ chức chính trị xã hội thực hiện công tác tuyên truyền, vận động và tổ chức các hoạt động phù hợp với Đề án.

14. Yêu cầu các ngành, địa phương khẩn trương xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện kế hoạch này trong tháng 9/2022. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh vướng mắc cần phải sửa đổi, bổ sung Kế hoạch này cho phù hợp, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời có văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết./.

*(Đính kèm phụ lục nhiệm vụ trọng tâm thực hiện kế hoạch)*

**Nơi nhận:**

- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Báo Ninh Thuận, Đài PTTH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐ, KTTH, VXNV, BTCĐNC;
- Lưu: VT. Hòa

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Tấn Cảnh**